



# **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11 - 48

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2025: 1.558.000.000.000 đồng

### 2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : <http://www.dakruco.com>

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 8 đơn vị trực thuộc (trong đó có 6 đơn vị hạch toán báo sổ và 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc).

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Thôn Ea Mtá A, Xã Ea Ktur, Tỉnh Đắk Lắk
2.	Chi nhánh Nông trường Cư K'pô	Thôn Thống Nhất, Xã Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Thôn 8, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Km 20, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Km 20, tỉnh lộ 8, Xã Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk
6.	Nhà máy chế biến mủ cao su	Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
7.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	30 Nguyễn Chí Thanh – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Nhà máy chế biến chi thun	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk

### 3. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất mủ cao su, chi thun và kinh doanh lưu trú.

### 4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).



- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

## 5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) này bao gồm:

### 5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	24/11/2023	26/06/2025
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	24/11/2023	
Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	28/06/2024	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	26/06/2025	

### 5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	24/11/2023	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	24/11/2023	
Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	26/06/2025	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	24/11/2023	26/06/2025

### 5.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	25/11/2023	01/05/2025
Ông Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2025	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Phó Tổng Giám đốc	15/08/2025	
Ông Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	01/01/2025	

## 6. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	

## 7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính giữa niên độ (riêng) của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) từ trang 07 đến trang 48.

## **8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo giữa niên độ (riêng) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

## **9. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

## **10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng), kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ (riêng), tình hình hoạt động giữa niên độ (riêng) của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

## **11. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).



**Thay mặt Hội đồng quản trị**

**NGUYỄN VIỆT TƯỢNG**

**Chủ tịch HĐQT**

Đắk Lắk, Ngày 27 tháng 08 năm 2025



Số: 35/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2025, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

**Vấn đề khác**

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ (riêng) và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025. Việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 08 năm 2025

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES**



**Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VIETVALUES



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025**

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (tại ngày 30/06/2025)	Số đầu kỳ (tại ngày 01/01/2025)
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>225.866.880.463</b>	<b>188.392.991.717</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>81.016.655.910</b>	<b>67.896.735.043</b>
111	1. Tiền		60.984.381.910	67.896.735.043
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.032.274.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>11.157.763.432</b>	<b>11.110.852.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	11.157.763.432	11.110.852.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>31.210.595.974</b>	<b>16.045.428.223</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	34.540.540.856	25.394.079.525
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.895.563.696	9.289.310.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	6.567.851.802	3.743.399.078
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(21.793.360.380)	(22.381.360.380)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>101.554.909.151</b>	<b>92.778.890.496</b>
141	1. Hàng tồn kho		105.181.543.034	92.789.916.805
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.626.633.883)	(11.026.309)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>926.955.996</b>	<b>561.085.955</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	914.051.783	548.181.742
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	12.904.213	12.904.213
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.075.763.589.734</b>	<b>2.179.760.141.513</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	2.799.476.644	2.984.024.025
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.799.476.644)	(2.984.024.025)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>734.652.285.131</b>	<b>675.752.258.292</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	718.921.819.822	656.465.928.733
222	- Nguyên giá		1.431.180.979.496	1.341.981.457.590
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(712.259.159.674)	(685.515.528.857)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	15.730.465.309	19.286.329.559
228	- Nguyên giá		18.118.311.967	21.650.676.217
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.387.846.658)	(2.364.346.658)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>591.111.922.447</b>	<b>636.709.765.229</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.12	-	823.506.296
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	591.111.922.447	635.886.258.933
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.14	<b>740.902.603.201</b>	<b>857.492.020.701</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		388.387.995.284	836.133.024.630
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		339.120.808.995	7.965.447.149
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.495.471.178	13.495.221.178
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(101.672.256)	(101.672.256)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.096.778.955</b>	<b>9.806.097.291</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	9.096.778.955	9.589.790.424
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	216.306.867
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.301.630.470.197</b>	<b>2.368.153.133.230</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (tại ngày 30/06/2025)	Số đầu kỳ (tại ngày 01/01/2025)
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>623.515.208.192</b>	<b>683.122.352.715</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>251.761.602.037</b>	<b>459.838.546.816</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	49.832.480.412	38.593.479.260
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	20.357.001.511	22.981.090.932
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	41.446.641.063	69.298.653.267
314	4. Phải trả người lao động	V.18	28.823.269.040	29.080.781.604
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	3.445.719.046	6.911.673.444
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20	22.847.652.831	20.857.118.477
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21.1	31.542.127.426	89.608.095.910
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22.1	11.850.000.000	143.394.099.889
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	41.616.710.708	39.113.554.033
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>371.753.606.155</b>	<b>223.283.805.899</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21.2	84.037.676.651	86.798.757.775
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22.2	286.457.937.030	135.227.055.650
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	1.257.992.474
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.678.115.262.005</b>	<b>1.685.030.780.515</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.24	<b>1.678.115.262.005</b>	<b>1.685.030.780.515</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		53.247.622.491	38.093.910.491
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.867.639.514	88.936.870.024
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.665.413.425	38.424.496.542
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		53.202.226.089	50.512.373.482
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.301.630.470.197</b>	<b>2.368.153.133.230</b>

Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH BÌNH



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

NGUYỄN MINH

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	241.800.053.291	201.749.232.411
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	93.333.450	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		241.706.719.841	201.749.232.411
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	224.096.264.971	197.673.457.705
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.610.454.870	4.075.774.706
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	65.890.403.988	35.181.501.418
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	8.223.942.713	14.714.001.487
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.967.312.683	13.806.110.571
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	4.624.997.392	4.481.225.277
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13.592.870.851	7.558.849.882
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.059.047.902	12.503.199.478
31	11. Thu nhập khác	VI.8	8.319.242.165	1.872.940.888
32	12. Chi phí khác	VI.9	306.820.608	4.197.017.465
40	13. Lợi nhuận khác		8.012.421.557	(2.324.076.577)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.071.469.459	10.179.122.901
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	11.652.936.503	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		216.306.867	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		53.202.226.089	10.179.122.901
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11		

Lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

LÊ THANH BÌNH



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 08 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025**

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		238.288.613.640	228.447.944.248
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(120.642.091.042)	(69.586.136.237)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(63.569.157.326)	(63.926.624.235)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.19;VI.5	(9.154.837.391)	(14.866.976.167)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(2.600.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.727.333.335	12.633.869.523
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(168.827.692.127)	(58.479.625.148)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(115.777.830.911)</b>	<b>34.222.451.984</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(44.850.066.181)	(39.642.580.086)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.962.761.060	2.195.509.330
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(46.911.432)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		184.547.381	8.128.853.961
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(250.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		179.150.520.000	60.279.575.530
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.5;VI.4	1.586.415.171	15.130.408.951
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>146.987.015.999</b>	<b>46.091.767.686</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	328.216.985.907	184.397.102.896
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(308.530.204.416)	(205.537.133.024)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(38.323.364.610)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(18.636.583.119)</b>	<b>(21.140.030.128)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>12.572.601.969</b>	<b>59.174.189.542</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>67.896.735.043</b>	<b>41.059.892.311</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		547.318.898	879.710.204
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>V.1</b>	<b>81.016.655.910</b>	<b>101.113.792.057</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Hoàng Thị Thu Sương*

*Lê Thanh Bình*

**HOÀNG THỊ THU SƯƠNG**

**LÊ THANH BÌNH**



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 08 năm 2025  
**Tổng Giám đốc**

**NGUYỄN MINH**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 9 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019. Mã chứng khoán của Công ty là DRG.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cao su, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải...

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động trồng rừng keo chu kỳ sản xuất kinh doanh kéo dài hơn 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 22/05/2024 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã triển khai việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI). Cụ thể, Công ty dự kiến thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI, tương đương với 22.399.200 cổ phiếu. Tính đến ngày 30/06/2025, Công ty đã bán được 15.810.000 cổ phiếu, số cổ phiếu bán trong 6 tháng đầu năm 2025 là 11.597.500 cổ phiếu, thu về khoản lãi từ việc bán chứng khoán là 62.213.002.359 đồng; Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại DRI đã giảm từ 60,84% vào ngày 01/01/2025 xuống còn 45,00% vào ngày 30/06/2025. Đồng thời trong kỳ công ty tiếp tục thanh lý vườn cây cao su, do ảnh hưởng của hai giao dịch này, mặc dù doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 chỉ tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng gấp 6 lần cùng kỳ năm trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 02 công ty con, 03 công ty liên kết, 02 công ty đầu tư dài hạn khác và 08 đơn vị trực thuộc. Thông tin khái quát về các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư dài hạn và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

**Các Công ty con**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến				60,84%	60,84%	60,84%
2.	Công ty CP Cao su Đắknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondulkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

**Các công ty liên kết**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%			
2.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
3.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%

**Công ty đầu tư dài hạn khác**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Thái Dương	Lô số 4, Đường số 7, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su cho ngành cấp thoát nước; thảm cho bò nằm; phụ tùng cao su	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

			kỹ thuật bao gồm: sản xuất đồ chơi cho thú cưng và sản phẩm cao su màu						
2.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%

**Các đơn vị trực thuộc**

TT	Tên Công ty	Hạch toán	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Báo sổ	Thôn Ea M'tá A, Xã Ea Ktur, Tỉnh Đắk Lắk
2.	Chi nhánh Nông trường Cư Kpô	Báo sổ	Thôn Thống Nhất, Xã Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Báo sổ	Thôn 8, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Báo sổ	Km 20, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Báo sổ	Km 20, tỉnh lộ 8, Xã Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk
6.	Nhà máy chế biến mủ cao su	Báo sổ	Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
7.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	Phụ thuộc	30 Nguyễn Chí Thanh – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Nhà máy chế biến chỉ thun	Phụ thuộc	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

**8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 2.026 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2024 là 1.939 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30/06/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

kết thúc ngày 30/06/2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **Lợi thế tiền thuê đất trả trước**

Lợi thế tiền thuê đất trả trước thể hiện giá trị lợi thế khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng được xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2016 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực 12. Lợi thế tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê còn lại (315 tháng) tính từ ngày Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2044).

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09
Vườn cây lâu năm	20

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### **Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh**

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025*

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

## **17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái...

## **18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

## **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **20. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

		30/06/2025		01/01/2025
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		596.560.756		344.106.249
+ VND		596.184.236		343.756.129
+ CAD	20,00 #	376.520	20,00 #	350.120
- Tiền gửi ngân hàng		60.387.821.154		67.552.628.794
+ VND		54.291.604.110		52.469.234.713
+ USD	236.632,25 #	6.096.217.044	596.801,78 #	15.083.394.081
- Các khoản tương đương tiền		20.032.274.000		-
+ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		20.032.274.000		-
<b>Cộng</b>		<b>81.016.655.910</b>		<b>67.896.735.043</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.157.763.432	1.157.763.432	1.110.852.000	1.110.852.000	1.110.852.000
<b>Cộng</b>		<b>11.157.763.432</b>	<b>11.157.763.432</b>	<b>11.110.852.000</b>	<b>11.110.852.000</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2025 Công ty đã cầm cố thế chấp vay hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số dư gốc tiền gửi là 10.000.000.000 đồng (xem thuyết minh số V.22).

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thuyết minh số VIII.1)	<b>3.757.574.500</b>	<b>3.757.574.500</b>
<b>Phải thu khách hàng là các đối tượng khác</b>	<b>30.782.966.356</b>	<b>21.636.505.025</b>
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
- Công ty Cổ phần FURNIWEB (Việt Nam)	3.898.108.800	832.809.600
- Ukko Corporation	916.132.224	-
- WEBER-SCHAER	-	2.187.233.395
- Các đối tượng khác	15.979.657.532	8.627.394.230
<b>Cộng</b>	<b>34.540.540.856</b>	<b>25.394.079.525</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	11.895.563.696	9.289.310.000
Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Công ty TNHH XD TM Hoàng Minh Phúc	1.077.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng HP	1.004.000.000	-
Các đối tượng khác	4.194.730.563	3.669.476.867
<b>Cộng</b>	<b>11.895.563.696</b>	<b>9.289.310.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	6.567.851.802	1.026.820.349	3.743.399.078	1.026.820.349
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349
Phải thu nhân viên về BHXH	2.535.664.371	-	1.126.899.464	-
Tạm ứng	1.806.585.469	-	790.529.044	-
Lãi dự thu	444.848.945	-	215.715.652	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	750.932.668	-	580.434.569	-
<b>Cộng</b>	<b>6.567.851.802</b>	<b>1.026.820.349</b>	<b>3.743.399.078</b>	<b>1.026.820.349</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2025	01/01/2025
- Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	4.443.540.077
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
- Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
- Hợp tác xã Nông nghiệp Hoàng Lộc	45.330.000	433.330.000
- Công ty TNHH Agritechco	762.810.000	962.810.000
- Các đối tượng khác	591.924.598	591.924.598
<b>Cộng</b>	<b>21.793.360.380</b>	<b>22.381.360.380</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.849.327.661	11.026.309	16.324.906.208	11.026.309
Công cụ, dụng cụ	5.854.759.173	-	5.279.287.330	-
Chi phí SX, KD dở dang	17.944.718.844	-	7.795.479.285	-
Thành phẩm	55.306.870.399	3.615.607.574	59.792.185.305	-
Hàng hóa	189.907.772	-	180.943.442	-
Hàng gửi bán	4.035.959.185	-	3.417.115.235	-
<b>Cộng</b>	<b>105.181.543.034</b>	<b>3.626.633.883</b>	<b>92.789.916.805</b>	<b>11.026.309</b>

- Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ bao gồm phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các nguyên vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 30/06/2025 chưa sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, chuỗi.
- Hàng hóa là bia, nước ngọt, hàng lưu niệm ở Khách sạn Dakruco.
- Một số hàng tồn kho giảm giá, kém phẩm chất, ứ đọng đã được trích lập dự phòng tại 30/06/2025, ngoài ra Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2025.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025.

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****8.1. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	51.668.273	54.077.722
Chi phí bảo hiểm	154.944.292	354.687.117
Chi phí sửa chữa, thay thế	13.287.939	9.432.963
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	694.151.279	129.983.940
<b>Cộng</b>	<b>914.051.783</b>	<b>548.181.742</b>

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	548.181.742	339.669.637
Tăng trong kỳ	995.207.246	613.382.818
Phân bổ trong kỳ	(629.337.205)	(459.578.895)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>914.051.783</b>	<b>493.473.560</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8.2. Dài hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí sửa chữa, thay thế	2.027.332.928	3.290.527.509
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	4.758.281.669	4.878.870.239
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	892.577.960	826.074.454
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	1.418.586.398	594.318.222
<b>Cộng</b>	<b>9.096.778.955</b>	<b>9.589.790.424</b>

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	9.589.790.424	10.061.848.334
Tăng trong kỳ	1.473.236.424	588.608.708
Phân bổ trong kỳ	(1.966.247.893)	(1.765.563.360)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.096.778.955</b>	<b>8.884.893.682</b>

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Đầu tư cao su liên kết:</b>	<b>2.799.476.644</b>	<b>2.984.024.025</b>
- Nông trường cao su Cư Mgar	2.404.748.337	2.589.295.718
- Nông trường cao su Phú Xuân	394.728.307	363.218.088
- Nông trường cao su Cuôr Đăng	-	31.510.219
<b>Cộng</b>	<b>2.799.476.644</b>	<b>2.984.024.025</b>

Đây là các khoản phải thu từ việc đầu tư vào các vườn cao su liên kết với các hộ dân. Theo đó, công ty chịu trách nhiệm đầu tư chi phí ban đầu trong giai đoạn kiến thiết cơ bản của vườn cao su, dựa trên từng hợp đồng cụ thể. Thời hạn của hợp đồng kéo dài từ khi ký kết cho đến khi công ty thu hồi toàn bộ giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cao su.

Đối với các hộ không có khả năng hoàn trả vốn đầu tư, công ty sẽ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên giá trị vốn đầu tư chưa thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	315.717.638.918	282.414.089.744	68.427.729.477	2.780.228.602	671.953.895.213	687.875.636	1.341.981.457.590
Tăng trong kỳ	5.478.113.575	-	2.045.768.616	34.900.000	81.640.739.715	-	89.199.521.906
- XDCB hoàn thành	5.478.113.575	-	-	-	81.640.739.715	-	87.118.853.290
- Mua sắm	-	-	2.045.768.616	34.900.000	-	-	2.080.668.616
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	321.195.752.493	282.414.089.744	70.473.498.093	2.815.128.602	753.594.634.928	687.875.636	1.431.180.979.496
Khấu hao							
Số đầu năm	204.238.514.037	259.082.922.341	49.010.988.943	2.614.642.612	170.257.755.133	310.705.791	685.515.528.857
Tăng trong kỳ	4.040.330.319	5.013.172.396	1.253.187.680	110.678.614	16.297.463.128	28.798.680	26.743.630.817
- Khấu hao	4.040.330.319	5.013.172.396	1.253.187.680	110.678.614	16.297.463.128	28.798.680	26.743.630.817
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	208.278.844.356	264.096.094.737	50.264.176.623	2.725.321.226	186.555.218.261	339.504.471	712.259.159.674
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	119.810.276.847	40.409.877.503	26.096.159.634	358.118.869	413.397.809.532	492.364.565	656.465.928.733
Số cuối kỳ	112.916.908.137	18.317.995.007	20.209.321.470	89.807.376	567.039.416.667	348.371.165	718.921.819.822

• Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 259.444.888.996 đồng.

• Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 30/06/2025 là 0 đồng.

• Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025 là 257.939.994.124 đồng (xem thuyết minh số V.22).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Công nghệ kiểm phẩm</b>	<b>Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (*)</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	2.337.596.658	300.000.000	19.013.079.559	21.650.676.217
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(3.532.364.250)	(3.532.364.250)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.337.596.658</b>	<b>300.000.000</b>	<b>15.480.715.309</b>	<b>18.118.311.967</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	2.074.346.658	290.000.000	-	2.364.346.658
Khấu hao trong kỳ	13.500.000	10.000.000	-	23.500.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.087.846.658</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.387.846.658</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	10.000.000	19.013.079.559	19.286.329.559
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>249.750.000</b>	<b>-</b>	<b>15.480.715.309</b>	<b>15.730.465.309</b>

(\*) Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã đánh giá giá trị vườn cây cao su đang kinh doanh theo quy định tại Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC. Giá trị thực tế của vườn cây cao su đang kinh doanh được xác định dựa vào Giá trị còn lại đã điều chỉnh của vườn cây cao su, Hệ số phân loại vườn cây và Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC, giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 2.367.596.658 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025 là 15.480.715.309 đồng (xem thuyết minh số V.22).

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	<b>30/06/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối, vườn dứa	-	-	823.506.296	823.506.296
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>823.506.296</b>	<b>823.506.296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Diện tích (ha)	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Đầu tư trồng cao su</b>	<b>3.550,01</b>	<b>583.192.286.360</b>	<b>629.072.018.529</b>
<b>Nông trường Phú Xuân</b>	<b>1.194,24</b>	<b>307.626.445.283</b>	<b>242.019.992.404</b>
Vườn cây cao su trồng năm 2016	240,80	57.778.869.321	83.201.974.335
Vườn cây cao su trồng năm 2017	357,03	68.734.178.512	71.558.246.706
Vườn cây cao su trồng năm 2018	267,42	46.344.904.295	44.301.510.844
Vườn cây cao su trồng năm 2019	182,90	27.664.548.087	26.192.701.710
Vườn cây cao su trồng năm 2020	68,77	49.199.674.936	8.657.766.653
Vườn cây cao su trồng năm 2021	77,32	57.301.093.196	7.634.914.661
Vườn cây lâm nghiệp năm 2023 FSC		273.333.645	265.281.662
Vườn cây lâm nghiệp năm 2024 FSC		212.048.236	207.595.833
Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC		117.795.055	-
<b>Nông trường Cư K'pô</b>	<b>1.186,89</b>	<b>212.966.982.450</b>	<b>253.163.186.610</b>
Vườn cây cao su trồng năm 2015	-	-	1.373.396.055
Vườn cây cao su trồng năm 2016	169,34	38.987.287.520	84.744.123.844
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	66.737.954.387	64.484.820.637
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	48.011.679.577	46.113.016.243
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	41.415.603.968	39.567.727.546
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	17.814.456.998	16.818.602.285
Trồng cây đai rừng năm 2024		-	61.500.000
<b>Nông trường 19/8</b>	<b>85,82</b>	<b>8.812.664.800</b>	<b>8.812.664.800</b>
Vườn cây cao su trồng năm 2017	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
<b>Nông trường Cuôr Đăng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82.589.367.180</b>
Vườn cây cao su trồng năm 2020	-	-	37.660.632.270
Vườn cây cao su trồng năm 2021	-	-	44.928.734.910
<b>Nông trường Cư M'gar</b>	<b>1.083,06</b>	<b>55.222.867.968</b>	<b>42.486.807.535</b>
Vườn cây cao su trồng năm 2018	38,10	8.901.872.952	8.846.223.617
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21,44	3.633.122.549	3.481.174.495
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	16.142.151.928	15.302.242.022
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	14.857.163.862	13.461.095.698
Vườn cây cao su trồng năm 2024	27,80	1.586.593.909	1.332.964.503
Trồng cây đai rừng năm 2022		-	63.107.200
Vườn cây cao su trồng năm 2025	781,61	8.665.288.627	-
Vườn cây cà phê trồng xen năm 2025		1.436.674.141	-
<b>Nông trường Cư Bao</b>	<b>61,78</b>	<b>4.610.392.150</b>	<b>1.976.347.089</b>
Cau 8.250 cây trồng năm 2019 (xen)	-	662.371.430	545.549.482
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2024	11,73	1.378.658.608	1.130.524.046
Keo chắn gió 28.000 cây trồng năm 2019 (trồng xen)	-	-	300.273.561
Vườn cà phê trồng xen năm 2025		157.211.312	-
Vườn sầu riêng trồng năm 2025	50,05	2.412.150.800	-
<b>Đầu tư xây dựng cơ bản khác</b>		<b>1.872.569.796</b>	<b>4.837.893.315</b>
Xây dựng cơ bản khác		999.696.597	4.837.893.315
Sửa chữa lớn NM chế biến mù		872.873.199	-
<b>Cộng</b>		<b>591.111.922.447</b>	<b>635.886.258.933</b>

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2025 là: 212.966.982.450 VNĐ (xem thuyết minh số V.22)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

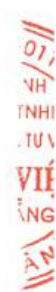
	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	388.387.995.284	-	836.133.024.630	-
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*) (i)	-	-	447.745.029.346	-
- Công ty CP Cao su Daknoruco (ii)	19.775.566.455	-	19.775.566.455	-
- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (ii)	368.612.428.829	-	368.612.428.829	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	339.120.808.995	(101.672.256)	7.965.447.149	(101.672.256)
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*) (i)	331.155.361.846	-	-	-
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (iii)	101.672.256	(101.672.256)	101.672.256	(101.672.256)
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su (ii)	7.863.774.893	-	7.863.774.893	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	13.495.471.178	-	13.495.221.178	-
- Công ty CP Cao su Thái Dương (iv)	5.556.143.881	-	5.556.143.881	-
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk (iv)	7.939.327.297	-	7.939.077.297	-
<b>Cộng</b>	<b>741.004.275.457</b>	<b>(101.672.256)</b>	<b>857.593.692.957</b>	<b>(101.672.256)</b>
				<b>812.782.457.623</b>

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (đã niêm yết trên sàn UpCom) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này tại ngày 30/06/2025.

Do chưa có thông tin về giá giao dịch, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn còn lại được xác định dựa trên giá trị ghi sổ trên các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của các Công ty nhận đầu tư. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của các công ty được đầu tư.

(ii) Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty CP Cao su Đắknoruco lỗ nhẹ nhưng vốn chủ sở hữu vẫn được bảo toàn, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vẫn lớn hơn giá gốc nên không cần trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư này.

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025, của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri và Công ty CP Kỹ thuật Cao su có lãi, vốn chủ sở hữu tại các Công ty này vẫn được bảo toàn nên không cần trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã bị âm. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất 100% đối với khoản đầu tư này.
- (iv) Do chưa có thông tin về giá giao dịch và Báo cáo tài chính của Công ty CP Cao su Thái Dương và Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk nên chưa thể xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Thông tin bổ sung

	Tình hình hoạt động	30/06/2025			01/01/2025		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Đầu tư vào Công ty con</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*)</li><li>- Công ty CP Cao su Daknoruco</li><li>- Công ty TNHH cao su Đắk Lắk - Mondulkiri</li></ul>	Đang hoạt động				44.537.500	60,84%	60,84%
	Đang hoạt động	2.568.100	73,37%	73,37%	2.568.100	73,37%	73,37%
	Đang hoạt động	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*)</li><li>- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk</li><li>- Công ty CP Kỹ thuật Cao su</li></ul>	Đang hoạt động	32.940.000	45,00%	45,00%			
	Đang chờ giải thể	301.998	45,13%	45,13%	301.998	45,13%	45,13%
	Đang hoạt động	540.000	28,79%	28,79%	540.000	28,79%	28,79%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty CP Cao su Thái Dương</li><li>- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk</li></ul>	Đang hoạt động	360.000	10,00%	10,00%	360.000	10,00%	10,00%
	Đang hoạt động	-	10,46%	10,46%	-	10,46%	10,46%

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, các công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.  
Số cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm cố thế chấp vay tại ngày 30/06/2025 là 11.000.000 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.22).





**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Trong kỳ, Công ty thoái vốn đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) thành công ty liên kết, cụ thể:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ	Giá gốc khoản đầu tư
Đầu năm	44.537.500	60,84%	447.745.029.346
Thoái vốn	11.597.500	15,84%	116.589.667.500
Cuối kỳ	32.940.000	45,00%	331.155.361.846

Kết quả của việc thoái vốn như sau:

- Giá trị chuyển nhượng: 179.150.520.000 đồng
- Giá vốn khoản đầu tư: (116.589.667.500) đồng
- Chi phí thoái vốn (môi giới chứng khoán...): (347.850.141) đồng
- Lãi: 62.213.002.359 đồng

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>17.413.642.302</b>	<b>20.694.862.045</b>
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Công ty CP Kỹ thuật cao su	917.598.502	1.408.302.919
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	16.496.043.800	19.286.559.126
<b>Phải trả người bán là các đối tượng khác</b>	<b>32.418.838.110</b>	<b>17.898.617.215</b>
Công ty TNHH SX - TM - DV 999	7.803.225.000	-
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Phương Nam	5.267.895.100	-
Công ty TNHH Quốc tế Tân Hồng Lam	-	2.092.363.092
Nguyễn Văn Chức	-	1.840.686.595
Các đối tượng khác	19.347.718.010	13.965.567.528
<b>Cộng</b>	<b>49.832.480.412</b>	<b>38.593.479.260</b>

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn thanh toán.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>7.439.150.646</b>	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Công ty CP Kỹ thuật cao su	7.439.150.646	-
<b>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>12.917.850.865</b>	<b>22.981.090.932</b>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Nam Đạt	1.497.175.000	11.466.000.000
Các đối tượng khác	1.420.675.865	1.515.090.932
<b>Cộng</b>	<b>20.357.001.511</b>	<b>22.981.090.932</b>

(\*) Khoản ứng trước kinh phí bồi thường tài sản trên đất để thực hiện dự án: Thành phố giáo dục quốc tế Đắk Lắk. Hiện nay dự án này đang tạm dừng do chưa hoàn thiện pháp lý.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp		Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.370.941.597	5.894.335.493	6.219.573.914	-	-	1.045.703.176
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	503.293.901	503.293.901	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.715.617	3.715.617	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	11.652.936.503	2.600.000.000	-	-	9.052.936.503
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.406.940	732.652.401	725.365.308	-	-	56.694.033
Thuế tài nguyên	-	3.797.569	40.641.862	39.221.575	-	-	5.217.856
Thuế nhà đất	12.904.213	-	1.644.875	1.644.875	12.904.213	-	-
Tiền thuế đất	-	67.873.850.352	20.384.371.267	56.972.814.678	-	-	31.285.406.941
Các loại thuế khác	-	656.809	12.835.513.755	12.835.488.010	-	-	682.554
Phí và lệ phí	-	-	37.947.001.250	37.947.001.250	-	-	-
Cộng	12.904.213	69.298.653.267	89.996.106.924	117.848.119.128	12.904.213	41.446.641.063	

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động như sau:

- Mù cao su, chỉ thun, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu: áp dụng thuế suất 0%.
- Mù cao su tiêu thụ nội địa: áp dụng thuế suất 5%
- Sản phẩm chỉ thun tiêu thụ nội địa, dịch vụ khách sạn, lưu trú: áp dụng thuế suất 10%

Một số nhóm hóa, dịch vụ của Công ty đang áp dụng mức thuế suất 10% được giảm còn 8% theo quy định của Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</b>	<b>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.071.469.459	10.179.122.901
- Lợi nhuận từ Hoạt động sản xuất kinh doanh	65.071.469.459	10.179.122.901
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(6.806.786.942)	(12.265.536.790)
Điều chỉnh tăng	7.626.343.282	4.178.800.626
- Chi phí không hợp lệ	247.271.647	4.112.246.626
- Chi thù lao hội đồng quản trị không chuyên trách	40.800.000	66.554.000
- Doanh thu các lô hàng đã thông quan nhưng chưa giao hàng 06/2025	3.921.156.400	-
- Giá vốn các lô hàng đã thông quan nhưng chưa giao hàng 12/2024	3.417.115.235	-
Điều chỉnh giảm	(14.433.130.224)	(16.444.337.416)
- Giá vốn các lô hàng đã thông quan nhưng chưa giao hàng 06/2025	(4.035.959.185)	-
- Hoàn nhập chi phí lãi vay đã loại trừ năm trước	(2.744.855.051)	(1.331.734.416)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(1.355.389.663)	(15.112.603.000)
- Chuyển lỗ	(1.798.276.758)	-
- Doanh thu các lô hàng đã thông quan nhưng chưa giao hàng 12/2024	(4.498.649.568)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	58.264.682.517	(2.086.413.889)
Thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	11.652.936.503	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.652.936.503</b>	<b>-</b>

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**18. Phải trả người lao động**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Tiền lương phải trả	28.823.269.040	29.080.781.604
<b>Cộng</b>	<b>28.823.269.040</b>	<b>29.080.781.604</b>

Quỹ lương được xác lập hàng năm theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và Thông tư số 003/2025/TT- BNV ngày 15/06/2025 của Bộ Nội vụ, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Văn phòng và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc</b>	<b>2.807.587.341</b>	<b>6.475.017.172</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	2.262.421.919	3.468.447.853
- Chi phí quản lý trồng xen	-	1.881.224.024
- Chi phí phải trả khác	545.165.422	1.125.345.295
<b>Cụm khách sạn Dakruco</b>	<b>145.887.561</b>	<b>57.729.697</b>
- Chi phí phải trả khác	145.887.561	57.729.697
<b>Nhà máy chế biến Chỉ thun</b>	<b>492.244.144</b>	<b>378.926.575</b>
- Chi phí xử lý chất thải nguy hại, nước thải sau sản xuất	134.380.000	117.000.000
- Chi phí đồng phục, giới thiệu sản phẩm	-	109.951.527
- Chi phí phải trả khác	357.864.144	151.975.048
<b>Cộng</b>	<b>3.445.719.046</b>	<b>6.911.673.444</b>

**20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Doanh thu cho thuê tài sản	22.847.652.831	20.857.118.477
<b>Cộng</b>	<b>22.847.652.831</b>	<b>20.857.118.477</b>

**21. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn****21.1. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	<b>1.906.299.415</b>	<b>2.079.076.490</b>
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>29.635.828.011</b>	<b>87.529.019.420</b>
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	24.446.403.457	49.446.403.457
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk	-	1.490.000.000
- Tiền thôi việc	110.948.750	2.241.424.432
- Kinh phí công đoàn	1.381.629.134	1.686.720.259
- Tiền chậm nộp thuế các loại	70.424.785	12.887.918.130
- Cổ tức phải trả	3.435.390	-
- Lãi huy động vốn cán bộ công nhân viên	22.559.014	12.593.802
- Vận chuyển mù trả nợ đầu tư CSLK	302.177.084	425.437.124
- Phải trả khác	3.298.250.397	19.338.522.216
<b>Cộng</b>	<b>31.542.127.426</b>	<b>89.608.095.910</b>

(\*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Ngày 09/02/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 395/QĐ-UB về việc phê duyệt quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí cổ phần hóa, chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư, quyết toán phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo đó, số tiền Công ty còn phải trả về cổ phần hóa là 49.446.403.457 đồng và số tiền đã thanh toán trong kỳ là 25 tỷ đồng, còn lại 24.446.403.457 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa tại ngày 30/06/2025 như sau:

(*) Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa	Số tiền
Vốn Nhà nước tại 30/09/2016 (thời điểm định giá):	1.558.722.333.139
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/10/2016 đến 30/09/2018)	112.329.904.669
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	291.593.211.213
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	(63.880.553.359)
- Nộp các khoản thuế cho Công ty CP TMDL Bàn Đôn	(5.590.133.649)
- Chênh lệch tỷ giá	(64.559.157)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với TSCĐ đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(109.591.760.379)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(136.300.000)
Vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	1.671.052.237.808
Vốn điều lệ tại Công ty cổ phần	(1.558.000.000.000)
Thu tiền bán cổ phần của NLĐ chưa nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.788.527.250
Thu tiền bán cổ phần từ Sở giao dịch chứng khoán	20.000.000
Điều chỉnh khoản chênh lệch giá trị phải trả về CPH do KTTN tính nhầm	(53.610.717.872)
Thu nhập từ tiền bồi thường thu hồi 43 ha khu dân cư Km7 (CV1252/UBND-KT ngày 15/02/2019)	(3.207.359.400)
Phản chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND Huyện Cư Mgar so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Di dời dân cư Buôn Gram B, Xã Eadrong, Huyện Cư Mgar (QĐ số 741/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 28/03/2018 do UBND Huyện Cư Mgar phê duyệt)	(457.890.000)
Phản chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Bến xe liên tỉnh Đắk Lắk (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(481.052.043)
Phản chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Trung tâm trung bày – Kinh doanh – Bảo hành xe Thaco (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(232.626.069)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế trước thời điểm chuyển sang Cty CP theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản ngày 10/09/2020	(1.458.403.117)
Thuế TNDN năm 2017 và 9 tháng năm 2018	(3.585.792.522)
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của 9 tháng năm 2018	(1.023.190.839)
Chi phí không đủ cơ sở quyết toán vào chi phí cổ phần hóa	13.230.000
Các khoản chi phí cổ phần hóa:	(3.370.559.739)
- Các khoản chi kiểm kê, tập huấn nghiệp vụ CPH, chi tuyên truyền cho NLĐ về CPH tại Công ty	(42.888.400)
- Chi phí tổ chức bán cổ phần	(231.626.000)
- Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN	(570.000.000)
- Chi phí thuê tư vấn xây dựng phương án CPH	(150.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thù lao ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc CPH	(193.000.000)
- Chi phí khác	(140.114.915)
- Chi chế độ lao động dôi dư	(2.042.930.424)
- Nộp trả vào ngày 20/06/2025	(25.000.000.000)
<b>Phải trả về cổ phần hóa tại 30/06/2025</b>	<b>24.446.403.457</b>

**21.2. Dài hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>84.037.676.651</b>	<b>86.798.757.775</b>
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty Cổ phần Tâm An Đắk Lắk (*)	9.781.866.000	9.775.866.000
- Công ty Cổ phần Thuốc lá Hồ Lắk (*)	1.801.626.000	2.425.294.000
- Dương Đức Cường (*)	2.182.500.000	2.182.500.000
- Công ty TNHH NN Công nghệ cao Hồng Thuận (*)	1.098.324.499	1.452.432.499
- Lưu Thanh Điệp (*)	1.178.520.000	1.178.520.000
- Công ty Cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê (*)	813.097.400	1.084.075.700
- Các đối tượng khác	12.526.530.880	14.044.857.704
<b>Cộng</b>	<b>84.037.676.651</b>	<b>86.798.757.775</b>

(\*) Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao, thời hạn 4 - 5 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**22.1. Ngắn hạn**

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>143.394.099.889</b>	<b>112.509.781.644</b>	<b>(255.903.881.533)</b>	<b>-</b>
Vay ngắn hạn bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	-	-	-	-
Vay ngắn hạn bên khác	143.394.099.889	112.509.781.644	(255.903.881.533)	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk	53.970.856.701	57.678.530.816	(111.649.387.517)	-
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	59.945.601.254	44.831.250.828	(104.776.852.082)	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM - CN Đắk Lắk	15.000.000.000	-	(15.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	9.977.641.934	10.000.000.000	(19.977.641.934)	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Đắk Lắk	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>11.850.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk	-	12.150.000.000	(300.000.000)	11.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.394.099.889</b>	<b>124.659.781.644</b>	<b>(256.203.881.533)</b>	<b>11.850.000.000</b>

**22.2. Dài hạn**

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>135.227.055.650</b>	<b>215.707.204.263</b>	<b>(52.626.322.883)</b>	<b>298.307.937.030</b>
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (i)	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk (ii)	-	215.700.000.000	(300.000.000)	215.400.000.000
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	55.227.055.650	7.204.263	(52.326.322.883)	2.907.937.030
<b>Cộng</b>	<b>135.227.055.650</b>	<b>215.707.204.263</b>	<b>(52.626.322.883)</b>	<b>298.307.937.030</b>
<b>Trong đó</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	11.850.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>135.227.055.650</b>			<b>286.457.937.030</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### (i) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo Hợp đồng vay vốn:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ký ngày 22/05/2023: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 60 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.14).
- Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV ký ngày 22/11/2024: Số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư chăm sóc vườn cây cao su và sâu riêng tái canh. Lãi suất cho vay tính 9,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 36 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 5.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.14).
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.85.1003/2025-HĐCVTL/NHCT502-CAOSUDAKLAK ký ngày 19/03/2025. Hạn mức vay không vượt quá 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để thanh toán bù đắp chi phí đầu tư tái canh trồng mới và chăm sóc cây cao su (5.617,8 ha) tại huyện Krông Búk và Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk do Công ty làm chủ đầu tư trong giai đoạn năm 2015 – 2024. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm, thời hạn vay 120 tháng. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 061778, số vào sổ cấp GCN: CT03866 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2021, tên công trình: Trung tâm khách sạn, nhà hàng tiệc cưới, văn phòng làm việc công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1501/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 13/03/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 603173 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/11/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cuôr trưởng theo Đăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.0204-01/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/05/2014, đăng ký thay đổi nội dung cơ sở pháp lý ngày 12/10/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cư Kpô theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1504/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025. (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).
- Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013, không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Chi nhánh Nhà máy chế biến chi thun - Công ty CP Cao su Đắk Lắk) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	38.007.191.324	21.470.079.317	(19.127.787.924)	40.349.482.717
Quỹ thưởng ban điều hành	1.106.362.709	320.865.282	(160.000.000)	1.267.227.991
<b>Cộng</b>	<b>39.113.554.033</b>	<b>21.790.944.599</b>	<b>(19.287.787.924)</b>	<b>41.616.710.708</b>

**24. Vốn chủ sở hữu****24.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.558.000.000.000	31.558.179.038	56.012.753.493	1.645.570.932.531
Tăng trong kỳ	-	6.535.731.453	10.179.122.901	16.714.854.354
Giảm trong kỳ	-	-	(17.588.256.951)	(17.588.256.951)
Số dư cuối kỳ trước	1.558.000.000.000	38.093.910.491	48.603.619.443	1.644.697.529.934
Số dư đầu năm nay	1.558.000.000.000	38.093.910.491	88.936.870.024	1.685.030.780.515
Tăng trong kỳ	-	15.153.712.000	53.202.226.089	68.355.938.089
Giảm trong kỳ	-	-	(75.271.456.599)	(75.271.456.599)
Số dư cuối kỳ này	1.558.000.000.000	53.247.622.491	66.867.639.514	1.678.115.262.005

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025. Trích lập các quỹ với số tiền: 36.944.656.599 đồng, cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 15.153.712.000 đồng
  - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 21.470.079.317 đồng
  - Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty: 320.865.282 đồng
- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 38.326.800.000 đồng

**24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%
Các cổ đông khác	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000	1,06%
<b>Cộng</b>	<b>1.558.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.558.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>38.326.800.000</b>	-

**24.4. Cổ phiếu**

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**24.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	30/06/2025	01/01/2025
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	88.936.870.024	56.012.753.493
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	53.202.226.089	10.179.122.901
Phân phối lợi nhuận	(75.271.456.599)	(17.588.256.951)
Phân phối lợi nhuận năm trước	(75.271.456.599)	(17.588.256.951)
- Chia cổ tức cho các cổ đông	(38.326.800.000)	0
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(15.153.712.000)	(6.535.731.453)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(21.470.079.317)	(10.761.828.000)
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	(320.865.282)	(290.697.498)
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>66.867.639.514</b>	<b>48.603.619.443</b>

**25. Tài khoản ngoài bảng****25.1. Ngoại tệ**

	Ngoại tệ	30/06/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại			
	USD	426.560,58	596.801,78
	CAD	20,00	20,00



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**25.2. Tài sản nhận giữ hộ**

Chỉ tiêu	30/06/2025		
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Cống Km4 đường vào Nông trường Cư Kpô	827.045.270	(408.949.921)	418.095.349
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.100.413.435</b>	<b>(682.318.086)</b>	<b>418.095.349</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu bán mủ cao su	142.640.223.803	114.675.261.204
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	10.641.082.600	10.422.446.915
Doanh thu sản phẩm chi thun	61.205.892.619	47.546.874.643
Doanh thu bán chuối	9.224.790.322	12.405.084.338
Doanh thu bán mít, dứa	1.458.562.400	532.260.500
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	15.094.516.114	15.586.653.659
Doanh thu hoạt động khác	1.534.985.433	580.651.152
<b>Cộng</b>	<b>241.800.053.291</b>	<b>201.749.232.411</b>

**1b. Doanh thu với các bên liên quan**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu bán mủ cao su	-	-
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	291.512.727	277.761.744
Doanh thu hoạt động khác	249.805.393	1.020.000
<b>Cộng</b>	<b>541.318.120</b>	<b>278.781.744</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Hàng bán bị trả lại	93.333.450	-
<b>Cộng</b>	<b>93.333.450</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá vốn bán mù cao su	141.359.312.093	126.064.078.090
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	12.412.862.753	12.086.388.564
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	58.752.719.478	48.901.518.830
Giá vốn bán chuối	5.216.989.630	8.790.151.735
Giá vốn bán mít, dứa	1.734.595.059	2.141.808.053
Giá vốn hoạt động khác	1.004.178.384	298.915.366
Hoàn nhập/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.615.607.574	(609.402.933)
<b>Cộng</b>	<b>224.096.264.971</b>	<b>197.673.457.705</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.355.389.663	15.112.603.000
Lãi thoái đầu tư vào công ty con	62.213.002.359	17.908.225.002
Lãi đầu tư cao su liên kết	1.333.984.166	1.055.343.069
Lãi chênh lệch tỷ giá	527.868.999	778.577.448
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	460.158.801	326.752.899
<b>Cộng</b>	<b>65.890.403.988</b>	<b>35.181.501.418</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí lãi vay	7.967.312.683	13.805.110.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá	282.955.440	311.118.691
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(184.547.381)	-
Chi phí tài chính khác	158.221.971	597.772.225
<b>Cộng</b>	<b>8.223.942.713</b>	<b>14.714.001.487</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	782.430.822	741.096.866
Chi phí nhân viên bán hàng	55.552.037	97.905.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.100.246.323	3.115.092.906
Chi phí khác bằng tiền	1.686.768.210	527.129.898
<b>Cộng</b>	<b>4.624.997.392</b>	<b>4.481.225.277</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	327.303.651	34.963.150
Chi phí nhân viên quản lý	7.009.625.826	3.350.227.468
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	521.172.736	499.858.365
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(588.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.797.094	320.438.991
Chi phí khác bằng tiền	6.002.971.544	3.353.361.908
<b>Cộng</b>	<b>13.592.870.851</b>	<b>7.558.849.882</b>

**8. Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lãi thanh lý cây cao su, nhượng bán tài sản	7.339.066.262	1.237.582.777
Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su hỗ trợ	478.863.753	262.493.151
Thu nhập khác	501.312.150	372.864.960
<b>Cộng</b>	<b>8.319.242.165</b>	<b>1.872.940.888</b>

**9. Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Các khoản phạt và truy thu thuế, lãi chậm nộp	38.833.416	4.021.629.398
Các khoản khác	267.987.192	175.388.067
<b>Cộng</b>	<b>306.820.608</b>	<b>4.197.017.465</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.913.697.473	89.351.504.328
Chi phí nhân công	75.396.893.067	56.777.529.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.767.130.817	21.689.559.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.471.595.903	13.274.680.088
Chi phí khác bằng tiền	8.475.167.442	6.887.678.314
<b>Cộng</b>	<b>241.024.484.702</b>	<b>187.980.951.768</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Theo quy định tại mục 3.19 và 3.20 khoản 3 điều 113 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chỉ tiêu này.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	328.216.985.907	184.397.102.896
<b>Cộng</b>	<b>328.216.985.907</b>	<b>184.397.102.896</b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	308.530.204.416	205.537.133.024
<b>Cộng</b>	<b>308.530.204.416</b>	<b>205.537.133.024</b>

**VIII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**1.1. Các bên liên quan**

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Chủ sở hữu
Công ty CP Cao su Daknoruco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1.2. Giao dịch với các bên liên quan****Doanh thu với các bên liên quan**

Tên Công ty	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Mua HHDV	3.728.134.002	2.245.279.680
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Vay dài hạn	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Trả lãi vay	2.855.657.536	3.965.575.344
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Cổ tức được chia	-	14.625.000.000
Công ty CP kỹ thuật cao su	Cổ tức được chia	540.000.000	-
Công ty CP cao su Thái Dương	Cổ tức được chia	360.000.000	-
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	Cổ tức được chia	455.389.663	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Chi trả cổ tức	37.918.833.600	-

**Giao dịch khác với các bên liên quan**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	246.789.643	277.761.744
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	246.789.643	277.761.744
Doanh thu khác	249.805.393	1.020.000
Công ty CP Kỹ thuật cao su	1.309.500	1.020.000
Công ty CP Cao su Daknoruco	-	-
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk	34.853.000	-
Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	213.642.893	-
<b>Cộng</b>	<b>496.595.036</b>	<b>278.781.744</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Tên Công ty	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty CP kỹ thuật cao su	917.598.502	1.408.302.919
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	16.496.043.800	19.286.559.126
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty CP kỹ thuật cao su	7.439.150.646	-
<b>Vay dài hạn</b>		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)</b>		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	1.031.000.002	1.617.657.534
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	1.906.299.415	2.079.076.490

1.3. Thu nhập của Ban điều hành

Thành viên ban quản lý, điều hành			Thu nhập 6 tháng đầu năm 2025			
STT	lý, điều hành	Vị trí công tác	Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	217.872.000	-	1.230.000	219.102.000
2	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	189.030.000	40.800.000	492.000	230.322.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	83.030.000	40.800.000	1.156.200	124.986.200
4	Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng giám đốc	144.621.000	40.800.000	-	185.421.000
5	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	139.836.000	-	-	139.836.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	105.955.000	40.800.000	861.000	147.616.000
7	Nguyễn Thạc Hoàn	Thành viên HĐQT	-	40.800.000	-	40.800.000
8	Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	138.490.000	40.800.000	-	179.290.000
9	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	139.334.000	-	-	139.334.000
10	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	77.827.000	-	-	77.827.000
11	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên ban kiểm soát	94.480.000	20.400.000	541.200	115.421.200
Tổng cộng			1.330.475.000	265.200.000	4.280.400	1.599.955.400

Thành viên ban quản lý, điều hành			Thu nhập 6 tháng đầu năm 2024			
STT	lý, điều hành	Vị trí công tác	Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	154.164.000	-	-	154.164.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	147.180.000	-	-	147.180.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	114.348.000	-	-	114.348.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng giám đốc	125.244.000	-	-	125.244.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	114.048.000	-	-	114.048.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	26.340.000	-	26.340.000
7	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	26.340.000	-	26.340.000
8	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	114.048.000	-	-	114.048.000
9	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	64.800.000	-	-	64.800.000
10	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên ban kiểm soát	-	16.200.000	-	16.200.000
Tổng cộng			833.832.000	68.880.000	-	902.712.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán (riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Người lập biểu



**HOÀNG THỊ THU SƯƠNG**

Kế toán trưởng



**LÊ THANH BÌNH**

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



**NGUYỄN MINH**



